

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 64

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Huệ do Văn tạo Thành

Như thế là đã thuyết minh về Phần Quyết Trạch của địa không Tâm. Phần Quyết Trạch của địa Huệ do Văn tạo thành nay sẽ nói.

Nghĩa là do năm xứ quan sát về chỗ quy hướng mới có thể quy y.

1. Do Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Do Ngữ nghiệp thanh tịnh.
3. Do Ý nghiệp thanh tịnh.
4. Do đối với các hữu tình khởi Đại Bi.
5. Do thành tựu pháp Vô thượng.

Hỏi: Quy y có bao nhiêu thứ? Do duyên gì chỉ có từng ấy Quy y? Ngang với duyên nào nên gọi là có thể quy y? Thế nào là tu tập hành quy y? Những gì là công đức do quy y đạt được?

Đáp: Quy y có ba thứ: Nghĩa là Phật Pháp Tăng.

Do bốn duyên nên chỉ có từng ấy Quy y:

1. Do tánh của Như lai là điều thiện tột bậc.
2. Đối với tất cả chủng loại được điều phục, có thể tạo phương tiện để điều phục hướng thiện.
3. Gồm đủ Đại Bi.
4. Dùng tất cả tài sản hưng khởi sự cúng dường, chưa cho là vui, cần dùng chánh hạnh hưng khởi sự cúng dường mới sanh hoan hỷ.

Do như thế nên pháp kia được lập, các đệ tử đều có thể quy y. Ngang bằng với bốn Duyên nên nói là có thể quy y:

1. Nhận biết về công đức.
2. Nhận biết về sai biệt.
3. Tự thệ nguyện.

4. Lại không nói có bậc đại sư khác.

Nên biết Quy y có bốn hành chánh:

1. Thân cận bậc Thiện tri thức.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Tác ý như lý.
4. Pháp tùy pháp hành.

Nếu có Hữu tình thành tựu bốn hành chánh ấy mới gọi là Quy y.

Nên biết lại có bốn thứ Hành chánh:

1. Các căn không trạo cử.
2. Thọ học Học xứ.
3. Thương xót Hữu tình.
4. Dùng thời gian hợp thời, đến trụ xứ của Tam bảo siêng tu

cúng dường.

Thọ nhận quy y đạt được bốn thứ công đức:

1. Đạt được phước rộng lớn.
2. Đạt được hoan hỷ lớn.
3. Đạt được Tam-ma-địa.
4. Đạt được thanh tịnh lớn.

Lại đạt được bốn đức:

1. Được sự hộ trì lớn, viên mãn.
2. Nơi chướng ngại của tất cả sự tin hiểu tà vạy đều được nhẹ mỏng hoặc vĩnh viễn diệt hết.
3. Được vào trong chúng của bậc Thiện tri thức hành chánh chí chánh, đó là đồng phạm hạnh của bậc đại sư.
4. Được chư Thiên tịnh tín đối với Thánh giáo hoan hỷ ái niệm. Nghĩa là Thiên chúng kia tâm sanh hoan hỷ, xưng lên lời này: Chúng tôi đã thành tựu ba quy y. Từ xứ kia mất rồi sanh đến cõi này. Những người kia hôm nay đã thành tựu trụ nhiều nơi quy y, đời vị lai cũng ở trong chúng đồng phạm của chúng tôi”.

Lại nữa, do sáu thứ Tướng, nên biết Tam bảo Phật Pháp Tăng có sai biệt:

1. Do Tướng.
2. Do Nghiệp.
3. Do Tin hiểu.
4. Do Tu hành.
5. Do Tùy niệm.
6. Do Sanh phước.

- Thế nào là do Tướng nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Tướng tự nhiên giác ngộ là Phật bảo. Tướng của quả Giác ngộ là Pháp bảo. Tướng thuận theo kẻ khác giáo hóa khiến tu hành đúng đắn là Tăng bảo.

- Thế nào là do Nghiệp nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là Nghiệp chánh giáo chuyển là Phật bảo. Nghiệp xả bỏ cảnh nơi đối tượng duyên của phiền não khổ, là Pháp bảo. Nghiệp tăng trưởng dũng mãnh là Tăng bảo.

- Thế nào là do Tin hiểu nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là đối với Phật bảo nên gieo trồng tin hiểu về thân cận, thừa sự. Đối với trụ xứ của Pháp bảo nên gieo trồng tin hiểu về mong cầu chứng đắc. Nơi trụ xứ của Tăng bảo nên gây tạo tin hiểu về hòa hợp đồng một pháp tánh cùng trụ.

- Thế nào là do Tu hành nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Đối với Phật bảo nên tu hành chánh là cúng dường, thừa sự. Đối với trụ xứ của Pháp bảo nên tu tập hành chánh là Phương tiện Du Già. Nơi trụ xứ của Tăng bảo nên tu tập hành chánh cung thọ tài pháp.

- Thế nào là do Tùy niệm nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Nên dùng tướng khác để tùy niệm Phật bảo. Nên dùng tướng khác để tùy niệm Pháp bảo. Nên dùng tướng khác để tùy niệm Tăng bảo. Tức là đức Thế Tôn cho đến nói rộng.

- Thế nào là do Sanh phước nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Đối với Phật bảo dựa nơi một hữu tình sanh phước tối thắng. Nơi trụ xứ của Pháp bảo tức dựa vào pháp ấy sanh phước tối thắng. Nơi trụ xứ của Tăng bảo dựa vào nhiều hữu tình sanh phước tối thắng. Lại nữa, do năm pháp nên Sa-môn, Bà-la-môn có hơn kém sai biệt. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Pháp được nghe.
2. Pháp của Giới.
3. Pháp của thâu nhận.
4. Pháp thọ dụng.
5. Pháp chứng đắc.

Nghĩa là, pháp được nghe hiện có của Bà-la-môn, về nghĩa thì giả, kém, không chỉ rõ cho kẻ khác, câu văn ẩn giấu, nên là thấp kém. Pháp được nghe của Sa-môn hoàn toàn trái với đây nên là thắng diệu. Lại, pháp về Giới hiện có của Bà-la-môn tùy theo cái gì, tùy theo phần, tùy theo chỗ sai biệt mở nhận điều tổn hại, nên là thấp kém. Pháp về Giới của Sa-môn hoàn toàn trái với đây nên là thắng diệu.

Lại, pháp được thâu nhận của Bà-la-môn thâu nhận các sự ruộng vườn, nhà cửa, tài sản, là chướng ngại đạo. Lại nữa, thâu nhận các loại vợ con, nô tỳ, tôi tớ v.v... nên là thấp kém. Pháp được thâu nhận hiện có của Sa-môn là pháp dứt trừ, lia khổ, lại không chỗ có, nên là thắng diệu.

Lại, pháp được thọ dụng của Bà-la-môn thọ dụng các thứ hương xoa, tràng hoa, các vật dụng trang sức là chướng ngại đạo. Lại hiện thọ dụng các thứ ca múa, kỹ nhạc, trào lộng vui đùa. Lại hiện thọ dụng các pháp như dâm dục v.v... nên là thấp kém. Pháp được thọ dụng của Sa-môn thọ dụng trí huệ do Văn Tư Tu tạo thành đúng đắn không tội, nên là thắng diệu.

Lại, pháp chứng đặc hiện có của Bà-la-môn chỉ cho Phạm Thế là cứu cánh, lại thối hoàn, là nhiễm ô xen tạp, có khổ não, nên là thấp kém. Pháp chứng đặc của Sa-môn lấy Bát-niết-bàn làm cứu cánh, không thối chuyển, hoàn toàn lia cấu uế, toàn bộ là an lạc, nên biết là thắng diệu.

Lại nữa, cầu dục có năm thứ:

1. Cầu thâu nhận.
2. Cầu thọ dụng.
3. Cầu vui đùa.
4. Cầu hiểu rõ.
5. Cầu danh tiếng.

Cầu Hữu cũng có năm thứ:

1. Cầu pháp như thế,
2. Cầu mong nguyện.
3. Cầu ngu si.
4. Cầu chán bỏ.
5. Cầu xét chọn.

Cầu phạm hạnh cũng có năm thứ:

1. Cầu chỉ cầu.
2. Cầu hướng đến.
3. Cầu hiện được.
4. Cầu hậu đắc.
5. Cầu xét chọn sẽ được.

Lại có sai biệt: Nghĩa là cầu Giả danh, cầu đệ nhất nghĩa, cầu quan sát hai thứ kia, cầu không phương tiện, cầu có phương tiện, như trong phần Bản địa đã nói.

Xứ Nội minh của năm Xứ minh, đối với các Xứ minh, các Luận nơi các Tông đều cho là tối thắng. Vì sao? Vì do nghĩa thanh tịnh của

bốn thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh thấu tóm tất cả nghĩa nhiệm tịnh.
2. Tức thanh tịnh của nghĩa này không phải là chỗ chế phục của luận khác.
3. Thanh tịnh của nghĩa này dễ có thể hội nhập.
4. Thanh tịnh đã được nhập rồi thì hành chân chánh không hoại.

Lại nữa, Thánh giáo của chư Phật nếu muốn giải thích tóm lược, do sáu thứ môn lý, nên tùy thuận quyết định rõ:

1. Môn của Lý chân nghĩa.
2. Môn của Lý chứng đắc.
3. Môn của Lý giáo hóa dẫn dắt.
4. Môn của Lý xa lìa hai biên.
5. Môn của Lý không thể nghĩ bàn.
6. Môn của Lý ý nghĩa sâu xa.

Ở đây, ba môn lý trước do ba môn lý sau, nên tùy thuận quyết định rõ. Tức là, Môn của lý chân nghĩa (1) do Môn của lý xa lìa hai biên (4) nên theo đây quyết định rõ. Môn của lý chứng đắc (2) do Môn của lý không thể nghĩ bàn (5) nên tùy theo đây quyết định rõ. Môn của lý chỉ dạy dẫn dắt (3) do Môn của lý ý nghĩa sâu xa (6) nên tùy thuận quyết định rõ. Trong ấy, chân nghĩa tức là môn Lý, do đó gọi là Môn của lý chân nghĩa. Cho đến ý nghĩa sâu xa tức là môn Lý, thế nên gọi là Môn của lý ý nghĩa sâu xa.

Nghĩa của Môn lý: Nghĩa là đối với tánh không điên đảo của các pháp kia, như nơi tánh thật lìa tánh điên đảo.

Lại nữa, nên biết nghĩa chân thật (chân nghĩa) lược có sáu loại: Nghĩa là Chân thật do thế gian tạo thành, cho đến chân thật được hành tác của Trí làm tịnh Sở tri chướng, cùng chân thật an lập và chân thật phi an lập.

Bốn thứ chân thật trước, nên biết như trong địa Bồ tát ở trước đã phân biệt rộng.

- Thế nào là Chân thật an lập?

Nghĩa là bốn Thánh đế. Khổ do Khổ, cho đến đạo do đạo. Vì sao?

Vì do lược an lập ba thứ thế tục:

1. Thế tục của thế gian.
2. Thế tục của đạo lý.
3. Thế tục của chứng đắc.

Thế tục của thế gian: đó là an lập về nhà cửa, binh chậu, quân binh, rừng núi. Lại an lập Ngã, hữu tình v.v...

Thế tục của đạo lý: đó là an lập Uẩn, Giới, Xứ v.v...

Thế tục của chứng đắc: đó là an lập quả dự lưu v.v... và nơi chốn nương dựa của chúng.

Lại nữa, An lập lược có bốn loại: Nghĩa là ba thứ thế tục như đã nói ở trước và An lập thế tục của Thắng nghĩa, tức Thắng nghĩa đế. Do nghĩa của đế này không thể an lập. Chỗ chứng đắc bên trong chỉ là tùy thuận phát sanh Trí ấy, thế nên là giả lập.

- Thế nào là chân thật phi an lập? Là các pháp chân như.

- Thế nào là chứng đắc?

Nghĩa là nếu lược nói, có bốn thứ chứng đắc:

1. Chứng đắc về quả nghiệp của các hữu tình.
2. Chứng đắc của Thừa Thanh văn.
3. Chứng đắc của Thừa Độc giác.
4. Chứng đắc của Đại Thừa.

Chứng đắc về quả nghiệp của các hữu tình:

Là do nghiệp tạo tác thanh tịnh không thanh tịnh. Nghiệp tự tạo tác là nhân dựa, nên các loài hữu tình ở trong biển sanh tử của năm nẻo, chiêu cảm quả dị thực, thọ nhận quả dị thực.

Chứng đắc của Thừa Thanh văn:

Là trước thọ quy y, cho đến Sa-môn trang nghiêm là nhân dựa, nên có năm thứ chứng đắc:

1. Chứng đắc về Địa.
2. Chứng đắc về Trí.
3. Chứng đắc về Tịnh.
4. Chứng đắc về Quả.
5. Chứng đắc về Công đức.

Chứng đắc về Địa: có ba địa: địa Kiến, địa Tu và địa Cứu cánh.

Chứng đắc về Trí: Tức là chín Trí:

1. Pháp Trí.
2. Chủng loại Trí.
3. Khổ Trí.
4. Tập Trí.
5. Diệt Trí.
6. Đạo Trí.
7. Trí thế tục hậu sở đắc.
8. Tận Trí.
9. Vô sanh Trí.

Chứng đắc về Tịnh: Tức là bốn chứng tịnh.

Chứng đắc về Quả: Là bốn Quả Sa-môn.

Chứng đắc về Công đức: Tức là Vô lượng giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, Nguyện trí vô tránh, Vô ngại giải, Thần thông v.v... Tất cả như thế nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại, Nhân chứng đắc của Thừa Thanh văn: Nghĩa là đạt được đạo lià dục của thế gian, các thiện căn hiện có của Phần Thuận Quyết trạch, phần Thuận Giải thoát.

Chứng đắc của Thừa Độc giác: Tức lược có ba thứ:

1. Chứng đắc do trước đã được thiện căn của Phần Thuận Quyết trạch.

2. Chứng đắc do trước đã chứng đắc.

3. Chứng đắc do trước chưa chứng đắc.

Hai chứng đắc trước gọi là độc thắng. Một chứng đắc sau gọi là Lân giác dụ.

Chứng đắc của Đại Thừa: Gồm:

- Chứng đắc về phát tâm.
- Chứng đắc về đại Bi.
- Chứng đắc Ba-la-mật-đa.
- Chứng đắc về Nhiếp sự.
- Chứng đắc về địa.
- Chứng đắc nơi năm vô lượng tùy thuận đến chân như.
- Chứng đắc tin hiểu về uy đức không thể nghĩ bàn.
- Chứng đắc về pháp Phật không chung.

Tất cả các thứ chứng đắc như thế như trong phần Địa Bồ tát ở trước đã phân biệt rộng.

- Thế nào là Giáo hóa dẫn dắt?

Nghĩa là do ba xứ gồm thâm sự giáo hóa, dẫn dắt. Đó là:

1. Do Tạng gồm thâm.
2. Do Ma-đát-ly-ca gồm thâm.
3. Do cả hai thứ gồm thâm.

Do Tạng gồm thâm: Là Tạng Thanh văn và Tạng Đại thừa.

Do Ma-đát-ly-ca gồm thâm: Là mười bảy địa cùng bốn thứ

Nhiếp.

Do cả hai gồm thâm: Lược có mười loại:

1. Giáo tướng đế.
2. Giáo biến tri.
3. Giáo vĩnh viễn đoạn trừ.
4. Giáo chứng đắc.

5. Giáo tu tập.
6. Giáo của phẩm loại sai biệt kia.
7. Giáo cùng hệ thuộc của chủ thể nương dựa đối tượng được nương dựa thuộc về pháp kia.
8. Giáo của pháp chướng ngại nơi Biến tri v.v...
9. Giáo của pháp thuận nơi Biến tri v.v...
10. Giáo của công đức cùng lỗi lầm của Biến tri, không Biến tri.

Như thế là có thể gồm thu tất cả sự thu tóm của Tạng và Bản mẫu. Đó gọi là tóm lược chung về Ma-đát-lý-ca.

Lại nữa, Giáo hóa dẫn dắt lược có mười hai thứ:

1. Giáo về Sự.
2. Giáo về Tướng sai biệt.
3. Giáo về quán Tự tông.
4. Giáo về quán Tha tông.
5. Giáo Không liễu nghĩa.
6. Giáo Liễu nghĩa.
7. Giáo về Thế tục đế.
8. Giáo về Thắng nghĩa đế.
9. Giáo ẩn mật.
10. Giáo hiển bày.
11. Giáo có thể ghi sự
12. Giáo không thể ghi sự.

Giáo về Sự: Là giáo đều nói riêng về Thế của các pháp như Sắc v.v..., Nhãn v.v...

Giáo về Tướng sai biệt: Là tuyên thuyết rộng về danh tướng sai biệt của căn, đế nơi Xứ phi Xứ, duyên khởi của các Uẩn, Giới, Xứ. Lại nói rộng về danh tướng sai biệt của các Niệm trụ v.v... Lại nêu bày rộng về danh tướng sai biệt của có sắc, có kiến không kiến, có đối không đối. Như thế là vô lượng chư Phật Thế Tôn đã nói rộng về giáo Danh tướng sai biệt của các pháp.

Giáo quán tự tông: Là mở bày, chỉ rõ, tuyên thuyết, gồm thu, giải thích chỗ nương dựa của Khế Kinh, Ứng tụng, Ký biệt v.v...

Giáo quán Tha tông: Tức bày thứ Tướng, nương dựa nơi Nhân minh để hàng phục luận khác, kiến lập luận của mình.

Bảy thứ Tướng: Nghĩa là các thứ luận thể, luận xứ sở, luận cứ, luận trang nghiêm v.v... như trước đã nói rộng.

Giáo không liễu nghĩa: Là Khế Kinh, Ứng tụng, Ký biệt v.v..., do

đức Thế Tôn lược nói, về nghĩa chưa xong nên phải giải thích lại.

Giáo Liễu nghĩa: Là cùng với phần trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Giáo về Thế tục đế: Tức các thứ ngôn thuyết hiện có, có thể nêu bày, tất cả đều thuộc về Thế tục đế. Lại, các danh, tướng, ngôn thuyết hiện có, đã hiện rõ sự tăng thượng, tức tướng, danh được phân biệt. Như vậy đều gọi là thuộc về Thế tục đế.

Giáo về Thắng nghĩa đế: Nghĩa là giáo pháp của bốn Thánh đế, cùng giáo pháp chân như, Thật tế, Pháp giới.

Giáo ẩn mật: Là theo phần nhiều nơi giáo của Tạng Thanh văn.

Giáo hiển bày: Là theo phần nhiều giáo của Tạng Đại thừa.

Giáo có thể ghi sự: Là giáo của bốn thứ pháp nơi Tạng, tức tất cả hành vô thường, cho đến Niết-bàn tịch tĩnh. Các loại như thế là Giáo của ngôn thuyết hiện có.

Giáo không thể ghi sự: Nghĩa là như có kẻ hỏi: Thế gian là Thường chăng? Điều này không nên ghi nhận, chỉ nói: “Tôi nói điều này không thể ghi nhận”. Cho đến hỏi: Như lai sau khi qua đời là có chăng, là không chăng? Điều này không nên ghi nhận, chỉ nói: “Tôi nói điều này không thể ghi nhận”. Ở đây, nên biết có bốn Nhân duyên nên nêu rõ như thế là sự không thể ghi nhận. Hoặc có trường hợp vì không nên không thể ký biệt. Nghĩa là như có kẻ hỏi: Ngã đối với các Uẩn là khác hay chẳng khác? Là thường hay vô thường? Hoặc có khi không dẫn đến nghĩa lợi, nên không thể ký biệt.

Nên biết lại có bốn Nhân duyên, đức Như lai nêu rõ là sự không thể ghi nhận:

1. Các ngoại đạo tuyên thuyết sai lạc.
2. Không như lý.
3. Dẫn đến vô nghĩa.
4. Chỉ là chốn nương dựa của Tránh luận.

Có hai nhân duyên có thể dẫn đến vô nghĩa:

1. Xa lìa suy xét về nhân quả.
2. Xa lìa suy xét về nhiệm tịnh.

- Thế nào là xa lìa hai Biên?

Nên biết lược có sáu thứ:

1. Xa lìa Biên tăng ích không thật có.
2. Xa lìa Biên tổn giảm đích thật có.
3. Xa lìa Biên vọng chấp Thường.
4. Xa lìa Biên vọng chấp đoạn.

5. Xa lìa Biên thọ dụng dục lạc.

6. Xa lìa Biên tự thọ dụng khổ.

Như thế nên biết nơi phần trước, nhiều chỗ đã phân biệt rộng.

- Thế nào là không thể nghĩ bàn?

Nên biết lược có sáu thứ không thể nghĩ bàn:

1. Tư nghị của Ngã.

2. Tư nghị của hữu tình.

3. Tư nghị của Thế gian.

4. Tư nghị về Nghiệp quả của hữu tình.

5. Cảnh giới Tĩnh lực của các thứ tu Tĩnh lực.

6. Cảnh giới của chư Phật, Thế Tôn.

Ở đây, ba thứ Tư nghị của Ngã, hữu tình, Thế gian, hoặc dựa nơi tư nghị của Kiến, hoặc không dựa nơi tư nghị của Kiến.

Tư nghị của Ngã: Nghĩa là như có một hữu tình, nương dựa vào Thân kiến, nghĩ bàn như vậy: Ngã nơi quá khứ là từng có chăng? Là lại không chăng? Ở trong ba đời cho đến nói rộng.

Lại nghĩ bàn: Ngã là có sắc, sau sẽ có tướng, sau sẽ không có tướng, sau sẽ phi có tướng phi không có tướng. Như Ngã có sắc, Ngã không sắc cũng thế. Hoặc nêu bày rộng như nơi kinh Phạm Võng.

Như Luận giả của Thường Kiến là như thế. Luận giả của đoạn kiến, Luận giả của kiến Hiện pháp Niết-bàn, nên biết cũng vậy. Chấp biên của đời trước, chấp biên của đời sau, như chỗ thích hợp đều nên nhận biết rõ.

Lại nghĩ bàn: Mạng tức là Thân, mạng khác thân khác. Lại, Ngã này, Ngã hiện hữu khắp tất cả Xứ, là không hai không khác, không có thiếu giảm.

- Tư nghị của hữu tình:

Nghĩa là như có một hữu tình, tức dựa vào Thân kiến, tư nghị như vậy: Hữu tình nay ở đây, từ nơi nào mà sanh đến? Các hữu tình này do ai tạo ra, cho đến hữu tình sẽ đi tới nơi nào? Các hữu tình ấy nơi xứ nào diệt tận?

- Tư nghị của Thế gian:

Tức như có một hữu tình, dựa vào Thân kiến tư nghị như vậy: Thế gian là thường, cho đến nói rộng.

Hoặc dựa nơi Pháp tánh, tư nghị như vậy: Pháp tánh của Ngã này, của hữu tình, của Thế gian, từ cái gì mà sanh?

Không thể chỉ dựa nơi đạo lý của pháp như thế, do đó nói đây gọi là “Nghĩ bàn nơi xứ không thể nghĩ bàn.”

- Tư nghị về nghiệp quả của Hữu tình:

Do bốn thứ Tướng không thể nghĩ bàn: Nghĩa là Xứ sở sai biệt, Sự sai biệt, Nhân sai biệt, Quả dị thực sai biệt.

Cảnh giới Tịnh lự của các thứ Tu Tịnh lự: do ba thứ tướng không thể nghĩ bàn:

- Nghĩa thâm diệu của chân như.
- Tự tại chuyển.
- Chứng đắc Giới vô lậu.

Cảnh giới của chư Phật Thế Tôn: do năm thứ Tướng không thể nghĩ bàn: Tức do ba Tướng đã nói như trước. Lại do hai Tướng:

1. Không chướng ngại.
2. Thành lập sự tạo tác của hữu tình.

Lại nữa, nên biết Ý nghĩa sâu xa lược có mười sáu thứ:

1. Ý nghĩa sâu xa Thị hiện.
2. Ý nghĩa sâu xa Trái lìa.
3. Ý nghĩa sâu xa Khuyên dẫn.
4. Ý nghĩa sâu xa Khen gắng.
5. Ý nghĩa sâu xa Mừng vui.
6. Ý nghĩa sâu xa Khiến nhập.
7. Ý nghĩa sâu xa Dứt nghi.
8. Ý nghĩa sâu xa Thành thực.
9. Ý nghĩa sâu xa Đăng trì.
10. Ý nghĩa sâu xa Giải thoát.
11. Ý nghĩa sâu xa Tương ứng nghĩa riêng.
12. Ý nghĩa sâu xa của những người có thể chứng đắc phát sanh hoan hỷ vô tội.
13. Ý nghĩa sâu xa của những người có thể lắng nghe nơi người thuyết giảng phát sanh tôn trọng.
14. Ý nghĩa sâu xa của Pháp nhãn luôn chuyển.
15. Ý nghĩa sâu xa của Việc tu tập nhiều pháp thiện.
16. Ý nghĩa sâu xa hàng phục các Tướng.

Thế nào là Môn của lý chân nghĩa do môn của lý xa lìa hai Biên nên tùy thuận quyết định rõ?

Nghĩa là đối với sự An lập Khổ đế hiện có cho đến đạo đế, lược có bốn thứ Biên tăng ích sai lạc:

1. Biên tăng ích của Ngã.
2. Biên tăng ích của Thường.
3. Biên tăng ích của Tịnh.

4. Biên tăng ích của Lạc.

Như thế tức là bốn thứ điền đảo. Vì nhằm đối trị chúng nên nói bốn Niệm trụ cùng bốn Trí Định. Do nhân duyên ấy nên Ngã kiến hiện có đều là vọng chấp thuộc Biên tăng ích của Ngã. Nói rộng, nên biết như nơi Địa có Tâm có Tứ ở trước. Do điều ấy nên đã biện biệt rộng về chấp có Ngã là không hợp lý.

Lại nếu lược nói, lìa sự sanh, tướng, nghiệp dụng của các Uẩn kia, riêng có Tánh của Ngã không thể thủ đắc.

Lại, khác với tánh kia, Tánh của Ngã hiện có an trụ nơi các Hành, nên biết nhất định hoàn toàn không thật có.

Lại, Tánh thường kia là không hợp đạo lý, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại có sáu thứ Tánh Bất tịnh, như nơi địa Thanh văn đã hiển bày rộng.

Lại có ba thứ Tánh khổ, như nơi địa có Tâm có Tứ đã hiển bày rộng.

Biên Tồn giảm: Nghĩa là tức ở trong các Thánh đế kia, theo chỗ an lập tướng trạng của các đế, chấp là vô tánh, hiển bày là vô tánh. Vì sao? Vì nếu đối với các đế khởi chấp tồn giảm, kể kia đối với ba Lượng cũng trụ nơi sự phỉ báng, nghĩa là Hiện Lượng, Tỷ lượng và Thánh giáo lượng. Cũng phỉ báng cả nhiệm tịnh, thế nên nói đây gọi là Biên Tồn giảm.

Nếu không rơi vào hai Biên như thế, kể kia đối với các đế có thể sanh tin hiểu, quyết định thông đạt, lần lượt có thể chứng đắc thanh tịnh rốt ráo.

- Thế nào là Khổ đế?

Nghĩa là Sanh khổ v.v..., nói rộng như trước. Nếu lược nói, như nói tất cả sự sanh tạp nhiễm đều gọi là Khổ đế.

- Thế nào là Tập đế?

Nghĩa là nói tất cả tạp nhiễm của phiền não cùng tạp nhiễm của Nghiệp đều gọi là Tập đế. Đức Thế Tôn căn cứ theo chỗ trội bật nên chỉ hiển bày về Tham ái. Về nhân duyên trội bật kia, nên biết như trước đã nói.

- Thế nào là Diệt đế?

Đó là hết thảy phiền não đã vĩnh viễn đoạn trừ. Lại sự đoạn trừ vĩnh viễn này do tám thứ Tướng, như trước đã nêu nên biết.

Ở đây, lìa dục, ái hết: Là hiển bày về cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y. Niết-bàn vĩnh viễn vắng lặng: Đây là hiển bày về cảnh giới Niết-bàn

Vô dư y.

- Thế nào là Đạo đế?

Nghĩa là đạo tư lương, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo thanh tịnh. Tất cả như thế tóm lược chung làm một gọi là đạo đế. Đức Thế Tôn căn cứ theo chỗ thù thắng, dựa nơi chủ thể thân nhận chứng đắc quả Samôn, nên chỉ lược hiển bày tám chi Thánh đạo, gọi là đạo đế.

Đạo Tư lương: Có mười ba thứ, như nơi địa Thanh văn đã nói.

Đạo Phương tiện: Nếu căn cứ theo chỗ tối thắng, tức ở trong các quả vị Noãn, Đảnh, Nhân, Pháp Thí đệ nhất, là tất cả pháp Bồ đề phần hiện có như các Niệm trụ v.v...

Đạo Thanh tịnh: Tức ở trong Kiến đạo, Tu đạo, Đạo cứu cánh, là tất cả pháp Bồ đề phần hiện có thuộc về các đạo kia. Trong đạo Cứu cánh hiện có, có thể dẫn phát các công đức, các đạo ấy cũng đều nhập trong đạo đế.

Lại, đạo Phương tiện của các Bồ tát: Nghĩa là sáu Ba-la-mật-đa gồm thân. Đạo Thanh tịnh: Là chỗ thân tóm của Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Đây là căn cứ theo chỗ tối thắng mà nói, chẳng phải là không tu tập đủ khắp hết thấy pháp Bồ đề phần, như đức Thế Tôn nói.

Lược nêu năm Thủ Uẩn đều gọi là Khổ: Năm Thủ Uẩn này, nếu phân biệt rộng, như trong phần quyết trạch về “Uẩn Thiệu Xảo” nơi địa ý ở trước, nên biết về tướng của chúng.

Lại, Khổ, Tập đế lược có ba thứ: Nghĩa là hệ thuộc cõi dục cõi Sắc cõi Vô sắc có sai biệt.

Lại, nơi vô biên thế giới trong mười phương có sai biệt, nên về lượng của chúng là vô biên. Đối trị chúng, nên biết là diệt đế, đạo đế có sai biệt.

Lại, các đế này được kiến lập thứ lớp phân biệt rộng về nghĩa, nên biết như trước đã nói.

Lại nữa, tức các đế này làm chỗ dựa, chỗ căn cứ, làm xứ kiến lập để lập mười ba thứ Bồ-đặc-già-la. Những gì là mười ba thứ Bồ-đặc-già-la? Đó là:

1. Phàm phu của cõi Dục.
2. Phàm phu của cõi Sắc.
3. Phàm phu của cõi Vô sắc.
4. Hàng hữu học của cõi Dục.
5. Hàng hữu học của cõi Sắc.
6. Hàng hữu học của cõi Vô sắc.
7. Hàng Vô học của cõi Dục.

8. Hàng Vô học của cõi Sắc.
9. Hàng Vô học của cõi Vô sắc.
10. Bậc Độc giác của cõi Dục.
11. Bậc Bồ tát của cõi Dục.
12. Bậc Bồ tát của cõi Sắc.
13. Bậc Như lai không thể nghĩ bàn.

Lại, các loại Bồ-đặc-già-la như thế, hoặc tạo tác, hoặc bị chướng ngại, hoặc Tâm, hoặc phiền não, hoặc nghiệp, hoặc căn, hoặc Giới, hoặc Tin hiểu, hoặc Ý lạc, hoặc Tùy miên, hoặc sanh, hoặc tập khí, hoặc Tụ, đều nên nhận biết rõ.

Lại nữa, sự tạo tác có mười hai thứ. Đó là:

1. Tạo tác thiện.
2. Tạo tác bất thiện.
3. Tạo tác Vô ký.
4. Tạo tác xuất gia.
5. Tạo tác đẳng lưu của pháp kia.
6. Tạo tác phòng hộ của pháp kia.
7. Tạo tác sanh.
8. Tạo tác lia dục.
9. Tạo tác giải thoát.
10. Tạo tác luyện căn.
11. Tạo tác dẫn phát thần thông.
12. Tạo tác phát khởi nghĩa khác.

Lại nữa, chướng ngại có mười hai thứ:

1. Chướng ngại của Nghiệp: Nghĩa là tạo năm nghiệp vô gián.
2. Chướng ngại của Tập khí: Là trước thường hành tập các nghiệp ác.
3. Chướng ngại của Phóng dật: Là hiện tại thọ dụng các dục hết sức hưng thịnh.
4. Chướng ngại của Cái: Tức là năm thứ Cái, tùy theo một thứ hiện tiền che phủ Tâm.
5. Chướng ngại của Biếng trễ: Nghĩa là do biếng trễ nên một phần ít phiền não đã trói buộc, nhiễu loạn Tâm.
6. Chướng ngại của chướng ngại: Nghĩa là mười một thứ chướng ngại tùy theo một loại hiện tiền.
7. Chướng ngại của Sanh: Nghĩa là sanh vào nơi chốn không nhân rồi.
8. Chướng ngại của chẳng sanh: Là đức Phật Thế Tôn không xuất

hiện ở đời.

9. Chướng ngại của Tin, hiểu: Nghĩa là đức Phật Thế Tôn tuy xuất hiện ở thế gian, nhưng hữu tình lại sanh tà kiến.

10. Chướng ngại của Phiền não: Nghĩa là do chướng ngại của phiền não nên nói Huệ giải thoát, Tâm được giải thoát.

11. Chướng ngại của Định: Tức do chướng ngại ấy nên nói Câu phần giải thoát, tâm được giải thoát.

12. Chướng ngại của đối tượng nhận thức (Sở Tri chướng): Tức do chúng nên nói Tâm của chư Như lai được giải thoát.

Lại nữa, về Tâm lược có hai thứ:

1. Tâm có chướng ngại.
2. Tâm không có chướng ngại.

Về Phiền não, cũng lược có hai thứ:

1. Triền.
2. Tùy miên.

Về Nghiệp, cũng lược có hai thứ:

1. Tư.
2. Tư đã hoàn thành.

Về Căn, cũng lược có hai loại:

1. Thuận phần tịnh.
2. Thuận phần bất tịnh.

Như Căn, Tin hiểu, Ý lạc, Giới, nên biết cũng thế.

Ở đây, có sai biệt: Căn là tánh của Quả. Giới là tánh của Nhân. Tin hiểu là tánh của Nhân. Ý lạc là tánh của Quả.

Về Tùy miên, cũng lược có hai thứ:

1. Có thể hại.
2. Không có thể hại.

Về Sanh, cũng lược có hai thứ:

1. Sanh nơi xứ không nhân rồi.
2. Sanh nơi xứ có nhân rồi.

Về Tập khí, cũng có hai thứ:

1. Tập khí sanh không gián đoạn.
2. Tập khí sanh trước.

Về Tụ, có ba thứ:

1. Tụ định tánh tà.
2. Tụ định tánh chánh.
3. Tụ Bất định .

Tụ định tánh tà lại có hai loại:

1. Định tánh tà thuộc bản tánh.

2. Định tánh tà thuộc phương tiện.

Tụ định tánh chánh cũng có hai loại:

1. Định tánh chánh thuộc bản tánh.

2. Định tánh chánh thuộc phương tiện.

Tụ Bất định cũng có hai loại:

1. Bất định thuộc bản tánh.

2. Bất định thuộc phương tiện.

Lại nữa, do mười ba thứ pháp tạo tác, nên biết đã nói rộng về mười ba thứ Bồ-đặc-già-la, như chỗ ứng hợp của chúng.

Hỏi: Họ có tạo tác thiện, thì tất cả tạo tác bất thiện kia là không tương ứng chăng? Hoặc là tạo tác bất thiện không tương ứng với tất cả tạo tác thiện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có tạo tác thiện không tương ứng không phải là tạo tác bất thiện. Nghĩa là: Tạo tác thiện hiện có của các chủ thể tạo nghiệp của dị thực đen trắng đen trắng.

2. Hoặc có tạo tác bất thiện không tương ứng, chẳng phải là tạo tác thiện. Nghĩa là tạo tác Vô ký.

3. Hoặc có tạo tác thiện, cũng là tạo tác bất thiện, không tương ứng. Nghĩa là: Sự tạo tác hiện có, có thể dứt hết các nghiệp của chủ thể tạo tác nghiệp của dị thực trắng trắng cùng nghiệp của Dị thực chẳng đen chẳng trắng.

4. Hoặc có không phải tạo tác thiện, cũng không phải tạo tác bất thiện, không tương ứng. Nghĩa là: Sự tạo tác hiện có, có thể tạo tác nghiệp của dị thực đen đen.

Như tạo tác bất thiện, tạo tác Vô ký, theo chỗ nêu dứt hết, nên biết rõ.

Hỏi: Nếu tạo nên chướng của Nghiệp thì cũng tạo nên chướng của Tập khí chăng? Hoặc nếu tạo nên chướng của Tập khí thì cũng tạo nên chướng của Nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có trường hợp gây tạo chướng của Nghiệp, không phải là chướng của Tập khí. Nghĩa là như có một hữu tình ở trong hiện pháp, đối với năm nghiệp vô gián cũng tạo tác, cũng khiến tăng trưởng. Ở trong đời trước, đối với chủng loại nghiệp ác bất thiện ấy, không tạo tác, không khiến tăng trưởng. Kẻ ấy, ở trong hiện pháp có thể gây chướng ngại cho Thánh đạo.

2. Hoặc có trường hợp gây tạo chướng của Tập khí, không phải là chướng của Nghiệp. Nghĩa là trái ngược với trường hợp trên.

3. Hoặc có trường hợp cùng gây tạo cả hai. Nghĩa là ở trong hiện pháp, đối với năm nghiệp vô gián cũng tạo tác cũng làm tăng trưởng. Kẻ ấy ở trong hiện pháp có thể gây chướng ngại cho Thánh đạo.

4. Hoặc có trường hợp, cả hai thứ chướng cùng không gây tạo. Nghĩa là trái ngược với trường hợp trên.

- Thế nào là Chân thật phi an lập?

Nghĩa là Tự tánh viên thành thật của các pháp chân như, là đối tượng hành của Thánh trí, là cảnh giới của Thánh Trí, là đối tượng duyên của Thánh Trí.

- Thế nào là Biên Tăng ích?

Nghĩa là Tự tánh của các pháp lược có ba loại:

1. Tự tánh Biến kế sở chấp.
2. Tự tánh Y tha khởi.
3. Tự tánh Viên thành thật.

Tự tánh Biến kế sở chấp: Nghĩa là các danh, ngôn hiện có để an lập tự tánh của các pháp. Dựa vào danh ngôn giả, thường xuyên hiện hữu khắp, xét lường các pháp để kiến lập.

Tự tánh Y tha khởi: Là tha lực của các duyên sanh đã dấy khởi tự tánh của các pháp, không phải tự nhiên có, nên nói là vô tánh.

Tự tánh Viên thành thật: Nghĩa là như trước đã nói. Nếu ở trong Tự tánh Y tha khởi, hoặc Tự tánh Viên thành thật, tự tánh Biến kế sở chấp hiện có vọng chấp, nên biết đó gọi là Biên Tăng ích. Vì sao? Vì trong tự tánh này, tự tánh kia có điều không hợp lý. Chỗ không hợp lý ấy như trong địa Bồ tát đã lược hiển bày, nơi phần Quyết Trạch sẽ phân biệt rộng.

Lại, nếu lược nói thì do ba nhân duyên nên không hợp với đạo lý:

1. Phẩm loại danh, ngôn được an lập là vô số chẳng phải là một.
2. Nếu lia danh, ngôn thì sự hiểu biết kia không sanh.
3. Danh ngôn ấy dựa nơi nghĩa mà chuyển.

Biên tổn giảm: Nghĩa là đối với Tự tánh Y tha khởi cùng Tự tánh Viên thành thật, trong các pháp có, hủy báng về tự tướng của chúng, nói là không thật có.

Như thế, môn của lý chân nghĩa do môn của lý xa lìa hai biên nên tùy thuận quyết định rõ. Như chỗ ứng hợp với hai môn của lý chứng đắc và giáo hóa dẫn dắt, do hai thứ sau là môn của lý không thể nghĩ bàn và

ý nghĩa sâu xa, nên tùy thuận quyết định rõ.

Hỏi: Như trước đã nói về ý nghĩa sâu xa tương ứng với Nghĩa riêng thì điều ấy có nghĩa gì?

Đáp: Không phải như ý nghĩa sâu xa tương ứng với nghĩa của ngôn âm nơi Danh thân, Cú thân, Văn thân, đây chỉ là trừ bỏ như ngôn âm v.v... Thắng nghĩa còn lại, đó gọi là ý nghĩa sâu xa tương ứng với nghĩa riêng. Lại nữa, ở đây, đối với môn của lý chân nghĩa, do môn của lý xa lìa hai biên nên tùy thuận quyết định rõ rồi, liền có thể chứng đắc nghĩa nên đạt được. Do có thể chứng đắc nghĩa đã đạt được, nên chứng đắc các môn của Lý còn lại, tức môn của lý không thể nghĩ bàn cũng tùy thuận quyết định rõ.

Lại nữa, môn của lý giáo hóa dẫn dắt nơi tất cả chư Phật Thế Tôn, do môn của lý ý nghĩa sâu xa, nên cũng tùy thuận quyết định rõ. Như vậy, hết thấy đều tùy thuận chỗ ứng hợp.

Lại, nếu đối với môn của lý chân nghĩa kia đã tùy thuận quyết định rõ, nên biết là có thể nhập vào năm thứ Ly sanh:

1. Có thể nhập Ly sanh chưa lìa dục.
2. Có thể nhập Ly sanh lìa dục gấp bội.
3. Có thể nhập Ly sanh đã lìa dục.
4. Có thể nhập Ly sanh của độc giác.
5. Có thể nhập Ly sanh của Bồ tát.

Hỏi: Nếu Đế an lập được kiến lập làm Đế, thì do nhân duyên nào nên lại hiển bày đế phi an lập?

Đáp: Nếu lìa đế Phi an lập thì hai thứ Giải thoát không hợp với đạo lý, tức là sự trói buộc của Tướng và sự trói buộc của Thô trọng được giải thoát. Vì sao? Vì nếu hành có nơi các đế an lập, thì tất cả hành kia đều là tướng của Hành có. Vì là tướng của Hành có nên đối với sự trói buộc của các tướng không được giải thoát. Do không được giải thoát đối với sự trói buộc của các tướng nên đối với sự trói buộc của Thô trọng cũng không được giải thoát. Nếu Hành có nơi đế phi an lập không hành nơi tướng. Vì không hành nơi tướng nên đối với sự trói buộc của các tướng liền được giải thoát. Đối với sự trói buộc của các tướng được giải thoát, nên đối với mọi trói buộc của Thô trọng cũng được giải thoát.

Hỏi: Nếu chỉ do đế phi an lập kia đối với tất cả sự trói buộc đạt được giải thoát thanh tịnh, thì do đâu lại hiển bày về đế an lập?

Đáp: Vì nhằm khiến cho tư lương và đạo phương tiện được thanh tịnh.

Hỏi: Nếu tức do tướng của Hành có kia nên tâm đối với hai thứ

trôi buộc được giải thoát thanh tịnh, thì có lỗi lầm gì?

Đáp: Nếu có Tâm định hết sức thiện, dựa nơi Tĩnh lực bốn trong pháp thiện của phần Thuận Quyết trạch chuyển duyên nơi cảnh của các Đế, thì các Hành giả kia, đối với hai thứ trôi buộc nên được giải thoát thanh tịnh rất ráo, nhưng không thanh tịnh nên không hợp lý. Lại, đạo thế gian, đạo xuất thế gian, hai thứ có sai biệt nên không thể lập. Hai đạo kia có tướng, không tướng có sai biệt nên không hợp đạo lý.

- Thế nào là Tướng của Thô trọng?

Nghĩa là nếu lược nói thể tướng không thể gắng nhận, không thuận hợp là tướng của Thô trọng. Ở đây, tướng không thể gắng nhận, không thuận hợp lại có năm tướng:

1. Tướng hiện nặng.
2. Tướng cứng rắn.
3. Tướng chướng ngại.
4. Tướng khiếm nhược.
5. Tướng không thể gắng nhận, không tự tại chuyển.

Do có các tướng ấy thuận với phẩm tạp nhiễm, trái với phẩm thanh tịnh nối tiếp mà trụ, thế nên gọi là Tướng không thể gắng nhận không thuận hợp.

Lại nữa, có năm thứ nuôi lớn các đại chủng gốc:

1. Nuôi lớn do ăn uống.
2. Nuôi lớn mộng.
3. Nuôi lớn sự lia tránh không bình đẳng.
4. Nuôi lớn phạm hạnh.
5. Nuôi lớn đẳng chí.

Tức sự nuôi lớn này lại có hai thứ:

1. Nuôi lớn nhận giữ.
2. Nuôi lớn không tổn hại.

Ở đây, sự nuôi lớn thứ nhất là Nuôi lớn nhận giữ. Bốn thứ sau là Nuôi lớn không tổn hại.

Nuôi lớn Nhận giữ lược có bốn thứ:

1. Nhận giữ biến hoại.
2. Nhận giữ vui thích.
3. Nhận giữ hy vọng.
4. Nhận giữ thâu gồm nắm lấy.

Lại nữa, có năm thứ Hành:

1. Hành của Thân.
2. Hành của Ngữ.

3. Hành của Ý.
4. Hành của Nghiệp.
5. Hành của Thọ mạng.

Lại nữa, có năm thứ không phóng dật:

1. Không phóng dật do dựa nơi phẩm tại gia.
2. Không phóng dật do dựa nơi phẩm xuất gia.
3. Không phóng dật do có thể xa lìa nẻo bất thiện.
4. Không phóng dật do có thể thấu nhận các thiện.
5. Không phóng dật do tu tập tương tục.

Không phóng dật do dựa nơi phẩm tại gia lại có năm thứ, như trước đã nói.

Không phóng dật do dựa nơi phẩm xuất gia lại có mười thứ, như trong phần Quyết trạch về Tỳ-nại-da tương ưng của địa Thanh Văn sẽ nói rộng.

Không phóng dật do có thể xa lìa nẻo bất thiện: Nên biết tức là hai thứ chánh đoạn trước.

Không phóng dật do có thể thấu nhận các thiện: Nên biết tức là hai thứ chánh đoạn sau.

Không phóng dật do tu tập tương tục: Nghĩa là đối với pháp thiện tinh tấn tu tập cần trọng không gián đoạn.

Lại nữa, Danh có năm thứ:

1. Tâm.
2. Tâm sở hữu pháp (Pháp hiện có của Tâm).
3. Thiện.
4. Bất thiện.
5. Vô ký.

Sắc có năm thứ:

1. Các đại chủng.
2. Do đại chủng tạo.
3. Có thấy có đối.
4. Không thấy, có đối.
5. Không thấy, không đối.

Lại nữa, có năm thứ Vô minh;

1. Ngu về nghĩa.
2. Ngu của kiến.
3. Ngu của phóng dật.
4. Ngu về nghĩa chân thật.
5. Ngu của Tăng thượng mạn.

Lại nữa, có năm thứ hữu ái:

1. Ái pháp tánh.
2. Ái thế nguyện.
3. Ái ngu si.
4. Ái chán lìa.
5. Ái xét chọn.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên biết đã kiến lập không Hổ không Thẹn.

1. Không có xấu hổ đối với Nhiễm ô hiện hành.
2. Không có xấu hổ đối với pháp thiện không hiện hành.
3. Không có xấu hổ đối với pháp xả, thọ.
4. Không có xấu hổ khi gần gũi với bạn ác.
5. Không có xấu hổ đối với chỗ tạo tác không thể thành

tự.

Nên biết, cùng với năm tướng này trái ngược là năm thứ tướng diệu kiến lập Hổ, Thẹn.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên biết đã kiến lập tánh thuyết ác:

1. Không hành.
2. Hành tà.
3. Không Nhẫn.
4. Không xấu hổ.
5. Không Luật nghi.

Do năm thứ Tướng nên kiến lập Bạn ác:

1. Không xấu hổ.
2. Có Tà kiến.
3. Có Biếng nhác.
4. Có Hạnh tà.
5. Tánh khiếp nhược.

Nên biết cùng với năm tướng này trái nhau, là năm thứ tướng diệu để kiến lập tánh thuyết thiện cùng bạn thiện.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên kiến lập Xa-ma-tha:

1. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định cận phần.
2. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định Sắc căn bản.
3. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định Vô sắc căn bản.
4. Xa-ma-tha xuất thế gian thuộc về Tác ý của hàng Nhị

thừa.

5. Xa-ma-tha xuất thế gian thuộc về Tác ý của Bồ tát.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên biết đã kiến lập Tỳ-bát-xá-na:

1. Tỳ-bát-xá-na gồm hết tánh hiện có.
2. Tỳ-bát-xá-na như Tánh hiện có.
3. Tỳ-bát-xá-na có tướng.
4. Tỳ-bát-xá-na xét cầu.
5. Tỳ-bát-xá-na quan sát.

Lại nữa, lược do năm Tướng nên kiến lập Dục lậu:

1. Sự của địa bất định sanh Tùy miên.
2. Thuận theo Hành ác.
3. Trái với Thiện.
4. Tham đắm nơi các dục.
5. Có thể sanh quả của Hoại Khổ, Khổ Khổ.

Do đấy nên các phiền não kia gọi là dục lậu.

Lược do năm Tướng nên kiến lập hữu lậu:

1. Có thể sanh các phiền não của cõi thấp kém.
2. Có thể sanh các phiền não của cõi bậc trung.
3. Có thể sanh các phiền não nơi cõi diệu.
4. Có thể sanh các phiền não của cõi Hữu không dục lạc.
5. Có thể sanh các phiền não của Hữu có dục lạc.

Lược do năm Tướng nên kiến lập Lậu Vô minh dục tà giải thoát:

1. Luận giả có tướng. Do môn luận có tướng nên sanh khởi Vô minh.
2. Luận giả vô tướng. Do môn luận vô tướng nên sanh khởi Vô minh.
3. Luận giả phi hữu tướng phi Vô tướng. Do môn Luận này nên sanh khởi Vô minh.
4. Luận giả chấp đoạn. Do môn luận chấp đoạn nên sanh khởi Vô minh.
5. Luận giả về Niết-bàn hiện pháp. Do môn luận này nên sanh khởi Vô minh.

Lại nữa, lược do năm tướng, nên biết về đạo lý sai biệt của các pháp:

1. Do Tướng.
2. Do Thể.
3. Do Nghiệp.
4. Do Pháp.
5. Do Nhân quả.

Do Tướng: Là do chỗ dựa cùng Hành trụ.

Do Thể: Là do tướng Tự thể cùng Tướng sai biệt.

Do Nghiệp: Là do tự tác dụng cùng với hành chánh, tà.

Do Pháp: Là do sự nhiệm tịnh cùng với Thế tục Đế, Thắng nghĩa đế.

Do Nhân quả: Là do xa gần cùng với yêu thích không yêu thích.

Lại nữa, có ba thứ Luận:

1. Luận Lắng nghe hoàn toàn.
2. Luận Tranh tụng hoàn toàn.
3. Luận Hành chánh rốt ráo.

- Luận Lắng nghe hoàn toàn: Là các thứ chú thuật ác của Bà-la-môn.

- Luận Tranh tụng hoàn toàn: Là Luận Nhân minh của các Ngoại đạo.

- Luận Hành chánh rốt ráo: Là Thánh giáo của Phật.

Lại có ba thứ Luận:

1. Luận vô nghĩa.
2. Luận nghĩa tà.
3. Luận đệ nhất nghĩa.

Ba thứ Luận này, theo chỗ ứng hợp như trước.

Lại có ba thứ Luận:

1. Luận Giả trá.
2. Luận Hư dối.
3. Luận xuất ly quả khổ.

Nên biết ba Luận này theo chỗ ứng hợp như trước.

Lại nữa, nếu muốn tạo Luận, trước hết phải quy lễ sư của hai chốn cung kính mới có thể tạo luận:

1. Cung kính pháp: Nên trước phải quy lễ đại sư của Luận bản
2. Cung kính nghĩa: Nên lại phải quy lễ sư khai bày xiển dương

nghĩa.

Người muốn tạo Luận cần đủ sáu nhân mới nên tạo Luận:

1. Muốn khiến cho nghĩa của pháp được lưu hành rộng.
2. Nhằm khiến cho vô số hữu tình tin hiểu. Do nhân duyên này, tùy theo một sẽ có thể nhập chánh pháp.
3. Vì khiến cho vô số môn nghĩa bị ẩn mất, lại được mở bày hiển hiện.
4. Vì muốn lược thấu tóm nghĩa tản mạn rộng khắp.
5. Vì muốn phát huy làm sáng rõ nghĩa thâm diệu.
6. Vì muốn đem vô số ngôn từ hay đẹp để trang nghiêm cho nghĩa của pháp, sanh khởi tịnh tín.

Lúc sắp tạo luận, cần dùng bốn đức trước tự an trụ mới có thể tạo Luận:

1. Đối với các bậc Sư xưa nên lìa kiêu mạn.
2. Đối với các loài hữu tình nên khởi Đại Bi.
3. Đối với người đồng pháp phải sanh tâm kính ái sâu xa.
4. Không nhằm đề cao kỹ năng thù thắng của mình.

- Thế nào là đối với các bậc Sư xưa nên lìa kiêu mạn?

Nghĩa là lúc tạo luận không có Tâm như vậy: Các Sư thời xa xưa hãy còn có thể tạo luận, hướng chỉ là ta nay lại không tạo được! Nên lìa Tâm kiêu mạn cấu nhiễm như thế mới nên tạo Luận.

- Thế nào là đối với các loài Hữu tình nên khởi Đại Bi?

Nghĩa là lúc tạo luận, nên khởi Quán như vậy: Nếu không tạo luận, thì vô lượng hữu tình đối với các pháp thiện nhất định sẽ thối mất. Lại, các loài hữu tình khác sẽ rơi vào sanh lão bệnh, cho đến nói rộng. Các hữu tình này, nhân nơi ta tạo luận, nếu có thể hiểu rõ cho đến diệu nghĩa thuyết thiện của một câu, như thế như thế sẽ phụng hành, thì những hữu tình ấy, ở trong đêm dài sanh tử tất đạt được nghĩa lớn về lợi ích an lạc.

Nên phát tâm tăng thượng như vậy rồi mới nên tạo luận.

- Thế nào là đối với người đồng pháp nên sanh kính ái sâu xa?

Nghĩa là khi tạo luận nên khởi Quán: Nếu không tạo luận vì nhằm để lợi tha, thì các vị đồng pháp đối với sự việc lợi tha nhất định sẽ thối chuyển, mất mát.

- Thế nào là không nhằm đề cao kỹ năng thù thắng của mình?

Tức là lúc tạo luận không có Tâm như vậy: Sẽ khiến cho thế gian cùng đối với ta cho là bậc thông tuệ, minh triết, có thể tạo luận, là người mở bày xiển dương ý nghĩa, sẽ sanh tin tưởng thanh tịnh sâu xa, nhân đây đạt được nhiều sự cung kính, lợi dưỡng. Chỉ vì nhằm làm tăng trưởng thiện căn của tự tha, do Tâm không nhiễm mới có thể tạo luận.

Lại nữa, ở đây mở bày chỉ rõ đúng như thật về diệu nghĩa của Kinh, do đức Như Lai đã giảng nói, gọi là làm trang nghiêm Kinh. Ví như hoa sen hồng, hoa ấy chưa nở, tuy sanh hoan hỷ nhưng không như hoa nở tươi tốt. Lại như vàng ròng chưa làm các vật dụng trang sức, tuy sanh hoan hỷ nhưng không bằng lúc đã làm xong.

Lại như thức ăn ngon chưa được ăn, tuy sanh vui vẻ nhưng không bằng khi đã ăn.

Lại như thư chúc mừng, chưa rảnh để mở ra xem, tuy sanh vui vẻ nhưng không bằng lúc mở ra đọc.

Lại như các thứ châu báu chưa được hiện tiền, tuy sanh hoan hỷ, nhưng không bằng lúc chúng đã hiện tiền được thọ, dụng.

Như vậy, nghĩa của Kinh do Như lai thuyết giảng nếu chưa hiển phát, tuy sanh hoan hỷ, nhưng không như lúc đã mở bày chỉ rõ. Do đó nói tạo Luận gọi là làm trang nghiêm Kinh.

Lại nữa, lược có bảy thứ thông đạt:

1. Thông đạt về chữ.
2. Thông đạt về nghĩa của chữ.
3. Thông đạt về khả năng giữ lấy.
4. Thông đạt về nghĩa có thể giữ lấy.
5. Thông đạt về sự trói buộc.
6. Thông đạt về sự giải thoát.
7. Thông đạt về pháp tánh.

Thông đạt về chữ: là thông đạt về thường.

Thông đạt về nghĩa của chữ: Là thông đạt về vô thường.

Thông đạt về khả năng giữ lấy: Là thông đạt về Căn, Thức v.v... nơi để an lập hoặc để phi an lập.

Như thông đạt về khả năng giữ lấy thì thông đạt về nghĩa có thể giữ lấy nên biết cũng thế.

Thông đạt về sự trói buộc: Là thông đạt về sự trói buộc của Tướng, hoặc sự trói buộc của Thô trọng. Trái với đây, nên biết đó gọi là Thông đạt về sự Giải thoát.

Thông đạt về pháp tánh: Nghĩa là có thể thông đạt về sự an trụ của pháp tánh, sự an trụ của pháp giới không phải từ tự tánh của Tự Tại, sĩ phu trung gian mà có. Lại nữa, do mười Tướng nên gồm đủ đa văn:

1. Nêu bày về người khéo thuyết giảng.
2. Nêu bày làm rõ về Văn, Câu.
3. Nêu bày hết về chỗ hiện có như nghĩa hiện có.
4. Nêu bày về phương tiện gia hạnh an lạc.
5. Nêu bày về nẻo lìa các khổ.

Năm thứ như thế lại có năm thứ:

1. Không tìm kiếm lỗi lầm mà nghe pháp.
2. Chỉ cầu đạt Niết-bàn mà nghe pháp.
3. Khéo lắng nghe pháp.
4. Xét kỹ mà nghe pháp.

5. Dựa nơi nghĩa của Danh Cú Văn Thân để quan sát thật kỹ mà nghe pháp.

Trong địa này, phần văn Quyết trạch khác không nhắc lại nữa.

